

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình là công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ/UB ngày 01 tháng 10 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH số 2904000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2020 về tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 08B Hương Giang, phường Đồng Hải, TP Đồng Hới, Quảng Bình.

CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Chủ tịch và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Tuấn

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Ông Phùng Văn Hưng

Phó Giám đốc

Ông Lê Anh Tiến

Phó Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021)

Kiểm soát viên của Công ty là bà Phạm Thị Nhật Lam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình

Số 08B Hương Giang, phường Đồng Hải, TP Đồng Hới, Quảng Bình

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Chế độ kế toán đặc thù theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ban hành ngày 19/8/2009 về Hướng dẫn kế toán áp dụng với Công ty Xổ số kiến thiết và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Minh Tuấn

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 2 năm 2022



Số: 08/2022/ASCO/BCKT-NV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu, Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình được lập ngày 25 tháng 2 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 3 năm 2020, số vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng, số vốn thực góp đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 28.299.043.219 đồng. Số vốn điều lệ góp thiếu là 21.700.956.781 đồng.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Nguyễn Ngọc Tuyền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1629-2018-149-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2021

Phan Đình Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 4887-2019-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

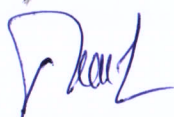
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.934.276.144	44.619.852.430
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	18.712.630.224	8.571.907.316
111	1. Tiền		2.031.747.417	1.433.731.613
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.680.882.807	7.138.175.703
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	12.009.650.672	7.204.558.903
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.009.650.672	7.204.558.903
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.211.179.114	24.623.176.536
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	922.816.607	18.531.865.591
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	79.300.000	35.975.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.217.679.007	6.063.952.445
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.616.500)	(8.616.500)
140	IV. Hàng tồn kho	08	1.662.750.901	1.320.029.578
141	1. Hàng tồn kho		1.662.750.901	1.320.029.578
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.338.065.233	2.900.180.097
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.177.935.028	2.856.755.997
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	160.130.205	43.424.100
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.234.218.183	8.527.492.419
220	I. Tài sản cố định		2.125.446.368	2.930.064.458
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	2.125.446.368	2.930.064.458
222	- Nguyên giá		14.976.990.660	14.976.990.660
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.851.544.292)	(12.046.926.202)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	04	3.627.523.196	3.627.523.196
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.627.523.196	3.627.523.196
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.481.248.619	1.969.904.765
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.481.248.619	1.969.904.765
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		45.168.494.327	53.147.344.849

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.443.556.133	24.203.013.161
310	I. Nợ ngắn hạn		15.281.606.133	24.013.563.161
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.086.238.589	1.517.833.886
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	152.589.210	82.225.175
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.734.451.528	11.610.674.629
314	4. Phải trả người lao động		2.769.074.430	2.843.943.519
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		27.272.727	12.272.727
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	235.420.907	223.938.884
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	2.662.167.224	5.713.912.003
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	150.300.000	150.300.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.464.091.518	1.858.462.338
330	II. Nợ dài hạn		161.950.000	189.450.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	161.950.000	189.450.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		29.724.938.194	28.944.331.688
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	29.724.938.194	28.944.331.688
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		28.299.043.219	28.299.043.219
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.425.894.975	645.288.469
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		45.168.494.327	53.147.344.849

Người lập biểu



Trần Việt Trung

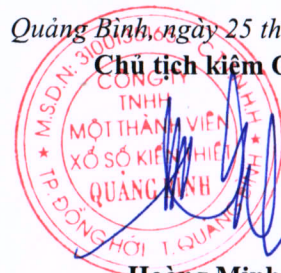
Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Nam

Quảng Bình, ngày 25 tháng 2 năm 2022

Chủ tịch kiêm Giám đốc



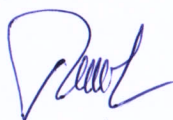
Hoàng Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	180.006.033.354	186.943.912.756
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	23.247.363.151	24.111.166.758
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.758.670.203	162.832.745.998
11	4. Giá vốn hàng bán	20	131.435.264.459	135.952.072.093
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.323.405.744	26.880.673.905
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	977.337.620	830.379.641
22	7. Chi phí tài chính	22	139.943.970	98.119.868
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		129.328.819	79.083.594
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	24.071.881.229	26.196.177.892
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.088.918.165	1.416.755.786
31	11. Thu nhập khác	24	911.821.516	1.084.362.312
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		911.821.516	1.084.362.312
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.000.739.681	2.501.118.098
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	398.717.995	350.156.534
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.602.021.686	2.150.961.564

Người lập biểu



Trần Việt Trung

Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Nam

Quảng Bình, ngày 25 tháng 2 năm 2022

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Hoàng Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.000.739.681	2.501.118.098
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(43.390.711)	(4.291.010.306)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		804.618.090	871.029.782
03	- Các khoản dự phòng		-	(4.410.744.041)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(977.337.620)	(830.379.641)
06	- Chi phí lãi vay		129.328.819	79.083.594
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.957.348.970	(1.789.892.208)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		21.295.291.317	(4.580.715.129)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(342.721.323)	334.228.659
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.919.902.890)	1.581.578.062
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.167.477.115	665.947.580
14	- Tiền lãi vay đã trả		(129.328.819)	(79.083.594)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(792.156.534)	(566.515.237)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		95.109.100	82.832.500
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.310.895.100)	(2.087.981.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.020.221.836	(6.439.600.667)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.405.091.769)	(4.204.558.903)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.600.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		977.337.620	830.379.641
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.827.754.149)	(3.374.179.262)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		86.664.131.529	74.859.033.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(89.715.876.308)	(73.146.073.068)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.051.744.779)	1.712.959.932
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.140.722.908	(8.100.819.997)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.571.907.316	16.672.727.313
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	18.712.630.224	8.571.907.316

Người lập biểu

Trần Việt Trung

Phụ trách kế toán

Nguyễn Đức Nam

Quảng Bình, ngày 25 tháng 2 năm 2022

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Hoàng Minh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình là công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ/UB ngày 01 tháng 10 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH số 2904000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2020 về tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính của công ty tại: Số 08B Hương Giang, phường Đồng Hải, TP Đồng Hới, Quảng Bình.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động xổ số. Chi tiết: Hoạt động xổ số kiến thiết;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ nhà khách;

Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 87 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 90 nhân viên).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và chế độ kế toán đặc thù áp dụng với Công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Vé xổ số, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính đang gia công.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Công ty trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về "Quy định một số đặc thù về cơ chế, quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Theo hướng dẫn tại Nghị định này, Công ty đã được xét trích lập dự phòng trả thưởng đối với các loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô, xổ số cào và xổ số bốc. Nếu trong kỳ trích lập, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng (đối với xổ số truyền thống là 50%, xổ số cào và bốc là 55%) hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch (đối với xổ số lô tô là 60%).



Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

Dự phòng rủi ro trả thưởng = (Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập X Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số) - Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.

Mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 theo hướng dẫn của Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 và Nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo đó, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp xếp hạng A như sau:

- Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp;
- Trích 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp.
- Trích không quá 3 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp.

2.15. Doanh thu

Doanh thu hoạt động kinh doanh xổ số

Doanh thu được ghi nhận theo Điều 9 Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về "Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số".

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ. Do đó, doanh thu của 02 kỳ vé xổ số truyền thống của mỗi năm vào thời điểm cuối năm và được kiểm đếm qua các bước vào đầu năm sau nên Công ty không đủ điều kiện ghi nhận doanh thu vào trong năm. Vì vậy, doanh thu trong năm bao gồm doanh thu của vé xổ số truyền thống kỳ 52 và 53 của năm trước, còn doanh thu của vé xổ số truyền thống kỳ 52 của năm nay sẽ được ghi nhận sang năm sau.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



2.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Thuế tiêu thụ đặc biệt (Theo Quy định tại Thông tư 168/2009/TT-BTC về Hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty Xổ số kiến thiết) và hàng bán bị trả lại.

2.17. Chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành vé xổ số

Chi phí trả thưởng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp phát sinh chi phí trả thưởng trong năm:

- Chi phí trả thưởng do công ty trả thưởng trực tiếp;
- Chi phí trả thưởng qua đại lý được ủy quyền;
- Chi phí trả thưởng các giải thưởng của vé xổ liên kết nhận phân bổ theo quy định của Hội đồng xổ số liên kết.

Chi phí trực tiếp phát hành xổ số trong năm được ghi nhận phù hợp với thực tế phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các nội dung chi phí trực tiếp phát hành xổ số trong năm:

- Chi phí cho các đại lý;
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
- Chi phí chống số đề;
- Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Chi phí vé xổ số;
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng;
- Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực;
- Chi phí trực tiếp phát hành khác.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và chi phí tài chính khác, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Trong năm 2021, Công ty được hưởng ưu đãi giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2021 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.710.999.578	990.630.775
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	320.747.839	443.100.838
Các khoản tương đương tiền (i)	16.680.882.807	7.138.175.703
	18.712.630.224	8.571.907.316

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm từ 01 đến 03 tháng tại các ngân hàng Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam với lãi suất từ 4,1% - 5,5%/ năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	12.009.650.672	-	7.204.558.903	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	12.009.650.672	-	7.204.558.903	-
	12.009.650.672	-	7.204.558.903	-

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Quảng Bình, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình, có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất 4,3% - 6,8%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	3.627.523.196		-	3.627.523.196		-
- Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha	3.627.523.196		-	3.627.523.196		-
	3.627.523.196		-	3.627.523.196		-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bao Bì Phong Nha	KCN Tây Bắc Đồng Hới, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.	38,96%	38,96%	Sản xuất bao bì carton

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Trung Hiếu Khánh Hòa	395.099.248	-	3.092.140.748	-
- Công ty TNHH Vé số Trực Huệ	346.757.600	-	1.462.113.600	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	180.959.759	(8.616.500)	13.977.611.243	(8.616.500)
	922.816.607	(8.616.500)	18.531.865.591	(8.616.500)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Bao bì Mực in Việt Nam	69.300.000	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Đức Lộc	10.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tấn Phát Sport	-	-	30.000.000	-
- Công ty TNHH PTTM Quốc tế LHB	-	-	5.975.000	-
	79.300.000	-	35.975.000	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha - Cổ tức được chia	152.754.000	-	-	-
- Bà Trần Thị Hạnh	129.505.001	-	254.505.001	-
- Các đối tượng khác	213.096.168	-	79.275.982	-
- Tạm ứng	1.722.323.838	-	5.730.171.462	-
	2.217.679.007	-	6.063.952.445	-

Phải thu khác là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

	152.754.000	-	-	-
--	--------------------	----------	----------	----------

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.086.238.055	-	740.249.047	-
- Công cụ, dụng cụ	373.512.756	-	264.056.531	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	203.000.090	-	315.724.000	-
	1.662.750.901	-	1.320.029.578	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.823.040.131	724.166.910	5.930.854.181	498.929.438	14.976.990.660
Số dư cuối năm	7.823.040.131	724.166.910	5.930.854.181	498.929.438	14.976.990.660
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.030.893.218	369.131.455	5.147.981.091	498.920.438	12.046.926.202
- Khấu hao trong năm	343.320.000	79.344.000	381.945.090	9.000	804.618.090
Số dư cuối năm	6.374.213.218	448.475.455	5.529.926.181	498.929.438	12.851.544.292
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.792.146.913	355.035.455	782.873.090	9.000	2.930.064.458
Tại ngày cuối năm	1.448.826.913	275.691.455	400.928.000	-	2.125.446.368

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 7.208.060.892 VND.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phát hành	560.787.028	481.602.697
- Chi phí trả thưởng	1.617.148.000	2.375.153.300
	2.177.935.028	2.856.755.997
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	474.000.999	422.229.636
- Chi phí mua bảo hiểm	57.788.800	46.499.000
- Chi phí sửa chữa	263.836.639	471.135.394
- Chi phí thuê nhà	236.500.000	236.000.000
- Chi phí trả trước khác	449.122.181	794.040.735
	1.481.248.619	1.969.904.765

11. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình (i)	4.805.912.003	4.805.912.003	86.664.131.529	88.807.876.308	2.662.167.224	2.662.167.224
Ông Hoàng Minh Tuấn	50.000.000	50.000.000	-	50.000.000	-	-
Bà Phạm Thị Nhật Lam	26.000.000	26.000.000	-	26.000.000	-	-
Ông Phùng Văn Hưng	36.000.000	36.000.000	-	36.000.000	-	-
Ông Lê Anh Tiến	28.000.000	28.000.000	-	28.000.000	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	768.000.000	768.000.000	-	768.000.000	-	-
	5.713.912.003	5.713.912.003	86.664.131.529	89.715.876.308	2.662.167.224	2.662.167.224

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng thấu chi số 02/2021/HĐ ngày 25/11/2021 với điều khoản cụ thể như sau:
- + Hạn mức thấu chi là: 10.000.000.000 đồng;
 - + Thời hạn vay: Thời hạn thấu chi là 59 ngày và nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi;
 - + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng phí 2,5%/năm, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 7,3%/năm;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Phương thức bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021 là 2.662.167.224 đồng.

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021		01/01/2021	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Ông Hoàng Minh Tuấn	Chủ tịch kiêm Giám đốc	-		50.000.000	-
- Ông Phùng Văn Hưng	Phó Giám đốc	-	-	36.000.000	-
- Ông Lê Anh Tiến	Phó Giám đốc	-	-	28.000.000	-
- Bà Phạm Thị Nhật Lam	Kiểm soát viên	-	-	26.000.000	-
		-	-	140.000.000	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần In Quảng Bình	1.996.869.516	1.996.869.516	1.436.212.106	1.436.212.106
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sơn Hà	53.351.000	53.351.000	10.000.000	10.000.000
- Công ty Cổ phần Đại Nguyên	13.342.100	13.342.100	13.342.100	13.342.100
- Phải trả các đối tượng khác	22.675.973	22.675.973	58.279.680	58.279.680
	2.086.238.589	2.086.238.589	1.517.833.886	1.517.833.886

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty TNHH Đại lý Xổ số Khánh Hòa	145.358.500	-
- Công ty TNHH Độc Lập	-	55.309.500
- Công ty TNHH Viết Nguyệt	-	19.329.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	7.230.710	7.586.675
	152.589.210	82.225.175

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.984.146.270	16.610.551.929	18.830.729.837	-	1.763.968.362
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	5.372.425.410	23.238.435.878	26.118.269.798	-	2.492.591.490
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	320.156.534	398.717.995	792.156.534	73.282.005	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.933.946.415	4.095.957.438	5.552.012.177	-	477.891.676
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	43.424.100	-	202.645.800	246.069.900	86.848.200	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	43.424.100	11.610.674.629	44.549.309.040	51.542.238.246	160.130.205	4.734.451.528

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả các Công ty Xổ số Kiến thiết	106.403.000	107.397.500
- Chi phí khoán cho các văn phòng	67.303.957	49.311.311
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.713.950	67.230.073
	235.420.907	223.938.884
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	161.950.000	189.450.000
	161.950.000	189.450.000

16. DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Dự phòng rủi ro trả thường	150.300.000	150.300.000
	150.300.000	150.300.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	24.504.209.913	3.794.833.306	-	28.299.043.219
Tăng vốn từ nguồn quỹ ĐTP	3.794.833.306	-	-	3.794.833.306
Lãi trong năm trước	-	-	2.150.961.564	2.150.961.564
Phân phối lợi nhuận	-	645.288.469	(2.150.961.564)	(1.505.673.095)
Giảm do kết chuyển tăng vốn điều lệ	-	(3.794.833.306)	-	(3.794.833.306)
Số dư cuối năm trước	28.299.043.219	645.288.469	-	28.944.331.688
Số dư đầu năm nay	28.299.043.219	645.288.469	-	28.944.331.688
Lãi trong năm nay	-	-	2.602.021.686	2.602.021.686
Phân phối lợi nhuận (i)	-	780.606.506	(2.602.021.686)	(1.821.415.180)
Số dư cuối năm nay	28.299.043.219	1.425.894.975	-	29.724.938.194

(i) Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2021 theo hướng dẫn của Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 và Nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo đó, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp xếp hạng A như sau:

- Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp;
- Trích 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp.
- Trích không quá 3 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp.

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		2.602.021.686
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	30%	780.606.506

Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	214.500.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động	1.606.915.180

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	28.299.043.219	100%	28.299.043.219	100%
	28.299.043.219	100%	28.299.043.219	100%

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 3 năm 2021, số vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng, số vốn thực góp đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 28.299.043.219 đồng. Số vốn điều lệ góp thiếu là 21.700.956.781 đồng.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xổ số	178.170.269.085	184.824.520.909
- Xổ số truyền thống	147.773.745.455	163.965.809.090
- Xổ số Lô tô	8.823.281.813	4.748.640.909
- Xổ số Cào	12.483.812.725	10.662.185.453
- Xổ số Bốc	9.089.429.092	5.447.885.457
Doanh thu dịch vụ khác	1.835.764.269	2.119.391.847
	180.006.033.354	186.943.912.756

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt của hoạt động kinh doanh xổ số	23.239.600.305	24.107.546.204
- Hàng bán bị trả lại	7.762.846	3.620.554
	23.247.363.151	24.111.166.758



20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí kinh doanh xổ số	130.037.684.059	134.459.840.093
- Chi phí trả thưởng	92.163.465.000	95.918.687.705
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	37.874.219.059	38.541.152.388
Giá vốn dịch vụ khác	1.397.580.400	1.492.232.000
	131.435.264.459	135.952.072.093

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	152.754.000	-
Lãi tiền gửi	824.583.620	830.379.641
	977.337.620	830.379.641

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	129.328.819	79.083.594
Chi phí tài chính khác	10.615.151	19.036.274
	139.943.970	98.119.868

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.694.998.082	14.377.521.533
Chi phí vật liệu quản lý	608.293.107	725.080.752
Chi phí đồ dùng văn phòng	491.726.586	682.983.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	804.618.090	871.029.782
Thuế, phí, và lệ phí	181.848.275	230.160.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.974.697	345.730.682
Chi phí khác bằng tiền	8.074.422.392	8.963.671.145
	24.071.881.229	26.196.177.892

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu từ bán phế liệu	172.341.727	153.137.646
Thu nhập khác	739.479.789	931.224.666
	911.821.516	1.084.362.312

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.000.739.681	2.501.118.098
Các khoản điều chỉnh giảm	(152.754.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(152.754.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.847.985.681	2.501.118.098
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	-	(150.067.086)
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN năm 2020 theo Nghị định số 92/2021/ND-CP	(170.879.141)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	398.717.995	350.156.534
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	320.156.534	536.515.237
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(792.156.534)	(566.515.237)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(73.282.005)	320.156.534

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha	Công ty liên kết

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 11)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha	152.754.000	-
Cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	152.754.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khác	152.754.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha	152.754.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	1.716.000.000	1.692.000.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Quảng Bình, ngày 25 tháng 2 năm 2022

Người lập biểu



Trần Việt Trung

Phụ trách kế toán



Nguyễn Đức Nam

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Hoàng Minh Tuấn

